

Bản án số: 18/2020/HSST

Ngày: 20-2-2020

**NHÂN DANH**

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN BÌNH THẠNH**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Phạm Tuấn Anh**.

Các Hội thẩm nhân dân:

1/ Bà **Lâm Thị Hoàng Oanh**

*Nghề nghiệp:* Cán bộ hưu trí quận Bình Thạnh.

2/ Bà **Nguyễn Thị Bình**

*Nghề nghiệp:* Cán bộ hưu trí quận Bình Thạnh

**- Thư ký phiên tòa:** Ông **Trần Hòa**—Thư ký Tòa án nhân dân Quận Bình Thạnh.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận Bình Thạnh tham gia phiên tòa:** Ông **Ngô Tuấn Kiệt** - Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 02 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân Quận Bình Thạnh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 13/2020/HSST ngày 16/01/2020, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 20/2020/QĐXX ngày 07/02/2020 đối với các bị cáo:

1. Nguyễn Thị T; giới tính: Nữ; Tên gọi khác: X; Sinh năm: 1969; Tại: H; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Phật; HKTT: K, phường S, thành phố H, tỉnh H; Chỗ ở: Đường L, phường M, quận B, thành phố Hồ Chí Minh; Trình độ học vấn: 0/12; Nghề nghiệp: Không; Họ tên cha: Nguyễn N; Họ tên mẹ: Trần T; Chồng: Nguyễn Đ; Con: Nguyễn V, sinh năm: 1993; Nguyễn I, sinh năm: 2003; Nguyễn M, sinh năm 2002; Tiền án, tiền sự: không; Tạm giam từ ngày 25/07/2019.

2. Vũ Văn A; giới tính: Nam; Tên gọi khác: U; Sinh năm: 1962; Tại: Thành phố M; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Phật; Chỗ ở: Không nơi ở nhất định; Trình độ học vấn: 9/12; Nghề nghiệp: Chạy xe ôm; Họ tên cha: Vũ Văn V; Họ tên mẹ: Lý N; Vợ: Lê Thị L; Tiền án, tiền sự: không; Nhân thân: Ngày 07/03/1995 bị Tòa án nhân dân quận Thủ Đức tuyên phạt 04 tháng tù giam về tội “Trộm cắp tài sản của công dân”; Tạm giam từ ngày 25/07/2019.

3. Nguyễn Thị H; giới tính: Nữ; Tên gọi khác: Không; Sinh năm: 1970; Tại: H; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Phật; HKTT: K, phường

S, thành phố H, tỉnh H; Chỗ ở: Đường L, phường M, quận B, thành phố Hồ Chí Minh; Trình độ học vấn: 1/12; Nghề nghiệp: Không; Họ tên cha: Nguyễn N; Họ tên mẹ: Trần T; Con: Mai N, sinh năm: 1992; Nguyễn K, sinh năm: 1995; Mai Thị U, sinh năm: 2000; Nguyễn H, sinh năm: 2005; Tiền sự: Không;

Tiền án: Ngày 13/8/2014, bị Tòa án nhân dân quận Bình Thạnh xử phạt 02 năm 06 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản” áp dụng điểm a khoản 2 Điều 173, điểm p khoản 1 Điều 46, điểm g khoản 1 Điều 48 Bộ luật hình sự, bị cáo đã chấp hành xong hình phạt tù nhưng chưa đóng án phí, đến ngày 22/7/2019 bị cáo lại tiếp tục phạm tội;

Nhân thân: Ngày 26/02/2009, bị Tòa án nhân dân quận Thủ Đức tuyên phạt 02 năm 03 tháng 23 ngày tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 04 năm 07 tháng 16 ngày về tội “Trộm cắp tài sản”;

Tạm giam từ ngày 25/07/2019.

4. Trần Văn B; giới tính: Nam; Tên gọi khác: T; Sinh năm: 1972; Tại: H; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Phật; HKTT: V, phường S, thành phố H, tỉnh H; Chỗ ở: Đường L, phường M, quận B, Tp. Hồ Chí Minh; Trình độ học vấn: 2/12; Nghề nghiệp: Không; Họ tên cha: Trần Văn P; Họ tên mẹ: Trần Thị Đ; Vợ: Nguyễn Thị H; Con: Nguyễn Văn H; Tiền án, tiền sự: không; Nhân thân: Ngày 16/5/1996, bị Tòa án nhân dân Thị xã Đồng Hới, tỉnh Quảng Bình xử phạt 03 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản của công dân” theo Bản án số 26/HSST ngày 16/5/1996; Ngày 23/4/1997, bị Tòa tỉnh Quảng Trị xử phạt 24 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản của công dân” theo bản án số 14/HSST ngày 23/4/1997; Ngày 13/8/2014 bị Tòa án nhân dân quận Bình Thạnh xử phạt 01 năm 06 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản” theo Bản án số 155/HSST ngày 13/8/2014, bị can đã chấp hành xong hình phạt;

Tạm giam từ ngày 25/07/2019.

*\* Người bị hại:*

1. Bà Lâm Hạnh N, sinh năm: 1992 (vắng mặt)

Địa chỉ: Đường B, xã P, huyện N, thành phố Hồ Chí Minh.

2. Bà Lê Thị P, sinh năm: 1999 (vắng mặt)

Địa chỉ: Khu B, phường L, quận T, thành phố Hồ Chí Minh.

*\* Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Ông Lương V, sinh năm: 1958 (vắng mặt)

Địa chỉ: khu phố S, phường H, quận T, thành phố Hồ Chí Minh

2. Ông Trát S, sinh năm: 1957 (vắng mặt)

Địa chỉ: Đường Q, phường T, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh

## **NỘI DUNG VỤ ÁN**

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên toà, nội dung vụ

án được tóm tắt như sau:

Lúc 05 giờ 45 phút ngày 22/7/2019, Tổ tuần tra Đội Cảnh sát điều tra tội phạm về trật tự xã hội cùng Công an Phường 26, quận Bình Thạnh phát hiện Nguyễn Thị T, Vũ Văn A, Nguyễn Thị H, Trần Văn B và Lương V đang ở khu vực Công viên dưới chân cầu B, Phường S, quận B có biểu hiện nghi vấn là nhóm móc túi khách đi xe buýt mà Cơ quan Công an đang theo dõi nên mời về trụ sở làm việc. Qua kiểm tra người Trần Văn B phát hiện 01 Điện thoại di động hiệu OPPO F9 màu đen, kiểm tra trong người Vũ Văn A phát hiện 01 ĐTDĐ Xiaomi màu đen. Các đối tượng khai nhận: Vũ Văn A làm nghề chạy xe honda ôm ở khu vực B, phường H, Quận T và thỉnh thoảng chở T cùng em ruột T là H đi chợ nên quen biết nhau. Khoảng tháng 6/2019 T, A và H ngồi uống cà phê ở khu vực B, Quận T thì T than không có tiền mua quần áo và đóng tiền học cho con, thì A nói bên Bên xe X thường sáng thứ hai đồng khách đi xe buýt dễ làm, có làm thì A chở qua làm. T hiểu ý A nói như vậy là đi móc túi khách đi xe buýt trộm cắp điện thoại nên T đồng ý, H trước đây đã có tiền án về hành vi móc túi của khách đi xe buýt nên khi nghe T và A bàn bạc thì H hiểu và xin tham gia cùng. Cả 03 bàn bạc thống nhất T móc túi được nên để T móc, còn H và A có nhiệm vụ xô đẩy tạo tình huống cho khách mất cảnh giác để T móc túi lấy điện thoại của khách. Trần Văn B trước đây cũng đã có tiền án về hành vi móc túi của khách đi xe buýt, sau khi chấp hành xong hình phạt tù về làm nghề chạy xe ôm ở khu vực B nên quen biết với Lương V và Vũ Văn A làm nghề chạy xe ôm tại đây. Khi nhóm T, A và H bàn bạc đi móc túi trộm cắp tài sản thì Trần Văn B không có mặt và không tham gia bàn bạc, nhưng khi gặp nhóm của T thì B đã tham gia móc túi cùng T, A và H, cụ thể:

Vụ thứ nhất: Khoảng 04 giờ 30 phút ngày 22/7/2019, A điều khiển xe mô tô kiểu dáng Wave 79H1 - 3131 đến gặp T và H ở quán cà phê khu vực Chợ B và rủ nhau đi trộm cắp điện thoại của khách đi xe buýt, khi đến trạm xe buýt trước tiệm bánh mì U, số Y Quốc lộ M, Phường S, quận B xem khách đi xe buýt có điện thoại sơ hở thì trộm cắp. Cùng lúc này, có chuyến xe buýt số 8 đến dừng ở trạm để đón trả khách thì thấy chị Lê Thị P lên xe để về ký túc xá Đại học quốc gia, chị P để 01 điện thoại di động hiệu Xiaomi trong túi áo khoác thì A và H như đã phân công từ trước lên xe đứng trước mặt chị P để chen lấn, xô đẩy làm cho chị P mất cảnh giác rồi T đứng phía sau móc túi lấy được điện thoại của chị P rồi tất cả xuống xe, khi xe buýt chạy đi thì T đưa điện thoại mới trộm được cho A giữ, vụ này Trần Văn B không tham gia.

Vụ thứ hai: Sau khi thực hiện xong hành vi trộm cắp điện thoại của chị P thì A dùng xe của mình chở T và H đến trạm xe buýt dưới chân dốc cầu B, trước số R Quốc lộ M, Phường S, quận B xem khách nào có điện thoại sơ hở tiếp tục dàn cảnh để thực hiện hành vi trộm cắp. Khi nhìn thấy nhóm của A, Trần Văn B kêu Lương V

chờ theo nhóm của A. Khi Trần Văn B, Vũ Văn A, Nguyễn Thị T và Nguyễn Thị H đang cùng nhau đứng chờ tại đây thì Trần Văn B phát hiện chị Lâm Hạnh N đang chờ xe buýt có đề 01 điện thoại di động hiệu OPPO F9 ở túi quần nên B nói cho T biết. Khoảng 05 giờ 35 phút cùng ngày có xe buýt số 93 tới và dừng ở trạm cho khách lên xuống xe thì chị N lên xe, ngay lúc này A và H lên xe đứng trước mặt chị N để chen lấn xô đẩy cho chị N mất cảnh giác để T đứng phía sau móc túi lấy được điện thoại của chị N rồi chuyển cho Trần Văn B đứng phía sau giữ. Khi xe buýt rời bến thì A, H xuống xe, cả nhóm đang rời khỏi hiện trường thì tổ Công an tuần tra đến mời các đối tượng về trụ sở làm việc lập hồ sơ chuyển Cơ quan Cảnh sát điều tra – Công an quận Bình Thạnh như trên.

Quá trình điều tra Nguyễn Thị T, Vũ Văn A, Nguyễn Thị H và Trần Văn B đã khai nhận cùng đồng bọn thực hiện hành vi trộm cắp tài sản của hành khách đi xe buýt như trên.

Bị hại Lê Thị P và Lâm Hạnh N đã đến Công an trình báo sự việc bị móc túi lấy tài sản là 01 chiếc điện thoại Xiaomi và 01 chiếc điện thoại OPPO F9 khi đi xe buýt vào ngày 22/7/2019 và xác định 02 chiếc điện thoại mà Cơ quan điều tra thu giữ là của hai bị hại, các bị hại đều có yêu cầu được nhận lại tài sản bị mất.

Kết luận giám định số 299/KLGĐTS - TCKH ngày 29/8/2019 của Phòng Tài chính kế hoạch - Ủy ban nhân dân quận Bình Thạnh kết luận: 01 điện thoại di động hiệu Xiaomi Redmi Noto 6, trị giá là 2.000.000 đồng; 01 điện thoại di động hiệu OPPO F9, trị giá là 4.000.000 đồng (BL: 51, 52).

Tại bản cáo trạng số 13/CT – VKSBT ngày 15/01/2020 của Viện Kiểm Sát nhân dân quận Bình Thạnh đã truy tố các bị cáo Nguyễn Thị T, Vũ Văn A về tội “Trộm cắp tài sản” theo điểm a khoản 2 Điều 173 Bộ luật hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017; Nguyễn Thị H về tội “Trộm cắp tài sản” theo điểm a, g khoản 2 Điều 173 Bộ luật hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017; Trần Văn B về tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

#### *Tại phiên tòa:*

\* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Bình Thạnh thực hiện quyền công tố tại phiên tòa vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố, trình bày lời luận tội, đánh giá tính chất, mức độ và hậu quả nguy hiểm cho xã hội cũng như các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và đề nghị:

Tuyên bố các bị cáo:

- Nguyễn Thị T, Vũ Văn A phạm tội “Trộm cắp tài sản” theo điểm a khoản 2 Điều 173; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017, với mức án đề nghị từ 02 năm 06 tháng đến 03 năm 06 tháng tù.

- Nguyễn Thị H phạm tội “Trộm cắp tài sản” theo điểm a, g khoản 2 Điều 173; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017, với mức án từ 3 đến 4 năm tù.

- Trần Văn B phạm tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017 với mức án đề nghị từ 01 năm đến 01 năm 6 tháng tù.

\* Về xử lý vật chứng:

- Thu giữ của Nguyễn Thị T: 01 túi xách màu nâu và số tiền 26.000 đồng là tài sản cá nhân của bị cáo T không liên quan đến vụ án nên đề nghị trả lại cho bị cáo.

- Thu giữ của Vũ Văn A:

+ 01 điện thoại di động hiệu Xiaomi là tang vật mà A cùng đồng bọn mới trộm của chị Lê Thị P. Cơ quan điều tra đã xử lý vật chứng bằng hình thức trả lại điện thoại cho chị P.

+ 01 xe mô tô kiểu dáng Wave, biển số 79H1-3131, A mua lại của một nam thanh niên không rõ lai lịch là xe không giấy đăng ký để làm phương tiện chạy xe ôm. Qua xác minh xe trên sử dụng biển số 79H1-3131 là biển số giả. Xác minh số khung, số máy không có trong hệ thống lưu giữ, là xe có nguồn gốc không hợp pháp và đây là phương tiện phạm tội nên đề nghị tịch thu sung quỹ nhà nước.

+ 01 điện thoại di động hiệu Nokia màu đỏ là tài sản cá nhân của bị cáo A không liên quan đến vụ án nên trả lại cho bị cáo.

+ 01 chứng minh nhân dân mang tên Lê Thanh L và 01 giấy đăng ký xe mô tô biển số 77Y3 - 3682 A khai nhặt được ngoài đường khi chạy xe ôm không có giá trị sử dụng nên đề nghị tiếp tục đăng báo tìm chủ sở hữu, trường hợp không tìm được chủ sở hữu thì đề nghị tịch thu tiêu hủy.

- Thu giữ của Nguyễn Thị H: 01 túi xách màu nâu, 01 điện thoại di động hiệu Nokia màu đen bạc và số tiền 37.000 đồng là tài sản cá nhân của H không liên quan đến vụ án nên đề nghị trả lại cho bị cáo.

- Thu giữ của Trần Văn B:

+ 01 điện thoại di động hiệu OPPO F9 là tang vật mà B cùng đồng bọn trộm cắp của chị Lâm Hạnh N, Cơ quan điều tra đã xử lý vật chứng bằng hình thức trả lại điện thoại cho chị N.

+ 01 điện thoại di động Nokia 105, số tiền 817.000 đồng và 01 đơn có mất giấy tờ là đồ vật tài sản của cá nhân bị cáo B, xét đây là tài sản riêng của bị cáo không liên quan đến nội dung vụ án nên đề nghị trả lại cho bị cáo B.

\* Về trách nhiệm dân sự: Chị Lê Thị P và chị Lâm Hạnh N đã nhận lại tài sản, không có yêu cầu gì nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Các bị cáo thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội như cáo trạng đã nêu và không có ý kiến tranh luận với phần luận tội của đại diện Viện kiểm sát, lời nói sau cùng

các bị cáo đã nhận thức việc làm của mình là vi phạm pháp luật, mong Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:**

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1]. Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an quận Bình Thạnh, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân quận Bình Thạnh, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã được thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng Hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng.

[2]. Tại cơ quan điều tra cũng như qua thẩm tra xét hỏi trước phiên tòa hôm nay, các bị cáo Nguyễn Thị T, Vũ Văn A, Nguyễn Thị H và Trần Văn B đã thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như cáo trạng đã nêu, lời khai của các bị cáo phù hợp với lời khai của các bị hại, người làm chứng, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, phù hợp với vật chứng thu được và phù hợp với các chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án và đúng như hành vi phạm tội mà Viện kiểm sát truy tố các bị cáo ra trước tòa, cho thấy: Các bị cáo Nguyễn Thị T, Vũ Văn A, Nguyễn Thị H là người đã trưởng thành đủ tuổi chịu trách nhiệm hình sự, muốn kiếm tiền tiêu xài mà không phải lao động nên có ý định chiếm đoạt tài sản của người khác từ trước, các bị cáo cùng nhau bàn bạc, phân công vai trò nhiệm vụ cách thức thực hiện các vụ chiếm đoạt tài sản, cụ thể: Bị cáo Vũ Văn A là người khởi xướng việc móc túi chiếm đoạt tài sản của các hành khách trên xe buýt, là người chủ mưu phân công vai trò, nhiệm vụ cho các bị cáo khác và là người cùng bị cáo Nguyễn Thị H giúp sức dàn cảnh, thực hiện việc chen lấn làm cho bị hại mất tập trung và phân công bị cáo Nguyễn Thị T làm nhiệm vụ móc túi hành khách để chiếm đoạt tài sản với hành vi nêu trên vào ngày 22/7/2019, tại trạm xe Buýt trước nhà số Y Quốc lộ M, Phường S, quận B, các bị cáo đã lén lút chiếm đoạt được 1 điện thoại di động hiệu OPPO F9 của chị Lâm Hạnh N (vụ này Trần Văn B không tham gia); tiếp đến cùng ngày Trần Văn B không có bàn bạc trước với nhóm của A, nhưng khi đến trạm xe buýt dưới dốc cầu Bình Triệu 2 trước số R Quốc lộ M, Phường S, quận B phát hiện chị Lê Thị P lên xe Buýt trong túi có để điện thoại di động liền chỉ cho bị cáo T lấy điện thoại của chị P, sau đó các bị cáo A, H, T cùng lên xe Buýt và với hành vi tương tự như trên bị cáo T đã lén lút chiếm đoạt 01 điện thoại hiệu Xiaomi Redmi Noto 6 của chị Lê Thị P đưa cho bị cáo B. Tài sản các bị cáo chiếm đoạt theo kết luận định giá số 299/KLGĐTS - TCKH ngày 29/8/2019 của Phòng Tài chính kế hoạch - Ủy ban nhân dân quận Bình Thạnh kết luận: 01 điện thoại di động hiệu Xiaomi Redmi Noto 6, trị giá là 2.000.000 đồng; 01 điện thoại di động hiệu OPPO F9, trị giá là 4.000.000

đồng. Hội đồng xét xử nhận thấy có đủ cơ sở kết luận các bị cáo Nguyễn Thị T, Vũ Văn A, Nguyễn Thị H đã phạm tội “Trộm cắp tài sản”. Các bị cáo Nguyễn Thị T, Vũ Văn A, Nguyễn Thị H có bàn bạc phân công nhiệm vụ chặt chẽ, do A là người chủ mưu trực tiếp khởi xướng, rủ rê, phân công cho bị cáo T và H cùng thực hiện hai vụ chiếm đoạt tài sản, hành vi này thuộc trường hợp “có tổ chức” là tình tiết định khung hình phạt được quy định tại điểm a khoản 2 Điều 173 Bộ luật hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017 cần áp dụng đối với các bị cáo A, T, H. Riêng bị cáo Trần Văn B cùng tham gia thực hiện chiếm đoạt tài sản 01 vụ và không có bàn bạc cấu kết với các bị cáo khác từ trước thuộc trường hợp đồng phạm giản đơn nên chỉ áp dụng đối với bị cáo B theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017. Do vậy, cáo trạng mà Viện kiểm sát quận Bình Thạnh truy tố các bị cáo là hoàn toàn có căn cứ và đúng pháp luật.

Đối với bị cáo Nguyễn Thị H ngày 26/9/2009 bị Tòa án nhân dân quận Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh xử phạt 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản” nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 4 năm 7 tháng 18 ngày theo bản án số 64/2009/HSST. Đến ngày 13/11/2013 bị cáo tiếp tục phạm tội với lỗi cố ý và bị xử phạt 2 năm 6 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản” theo bản án số 155/2014/HSST, như vậy bản án này bị cáo đã phạm tội thuộc trường hợp tái phạm và đến nay bị cáo chưa nộp tiền án phí. Nay bị cáo lại tiếp tục phạm tội với lỗi cố ý nên lần phạm tội này của bị cáo thuộc trường hợp “tái phạm nguy hiểm” là tình tiết định khung hình phạt quy định tại điểm g khoản 2 Điều 173 Bộ luật hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017 cần áp dụng thêm đối với bị cáo H.

[3]. Về tính chất, mức độ, động cơ phạm tội và nhân thân của các bị cáo: Hành vi phạm tội của các bị cáo thể hiện tính xem thường pháp luật, chỉ vì cần tiền tiêu xài lười lao động các bị cáo đã cố ý phạm tội, gây nguy hiểm cho xã hội. Hành vi của các bị cáo đã trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu hợp pháp về tài sản của công dân, làm mất trật tự an toàn cho người dân khi tham gia giao thông công cộng, đồng thời còn gây ảnh hưởng xấu đến an ninh trật tự ở địa phương. Đây là vụ án phạm tội có tính chất đồng phạm, bị cáo Vũ Văn A là người khởi xướng, chủ mưu, rủ rê phân công vai trò nhiệm vụ cho các bị cáo và trực tiếp cùng bị cáo Nguyễn Thị H dàn cảnh xô đẩy người bị hại tạo điều kiện để bị cáo T trực tiếp thực hiện hành vi phạm tội cho thấy các bị cáo có sự phân công vai trò cấu kết chặt chẽ nhằm thực hiện hành vi phạm tội đến cùng thuộc trường hợp đồng phạm quy định tại khoản 2 Điều 17 Bộ luật hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017. Riêng bị cáo Trần Văn B chỉ thực hiện một vụ chiếm đoạt tài sản của chị N, không tham gia bàn bạc từ trước với các bị cáo khác nên thuộc trường hợp đồng phạm giản đơn nhưng trong vụ này bị cáo là người phát hiện tài sản của bị hại, chỉ cho T lấy tài sản của bị hại đưa cho bị cáo cất giữ cho thấy bị cáo là người khởi xướng và bản thân bị cáo B có nhân thân xấu đã bị Tòa án 3 lần xử phạt về

hành vi chiếm đoạt tài sản của người khác, mặc dù đã chấp hành xong hình phạt tù, đã được xóa án tích nhưng cho thấy bị cáo không tự sửa chữa bản thân lại tiếp tục phạm tội với hành vi tương tự. Do vậy, khi lượng hình cũng cần có một mức hình phạt tương xứng với tính chất, mức độ hành vi, vai trò và nhân thân của từng bị cáo trong vụ án.

[4]. Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Trong thời gian ngắn các bị cáo Nguyễn Thị T, Vũ Văn A, Nguyễn Thị H đã liên tiếp thực hiện 02 hành vi chiếm đoạt tài sản của các bị hại, các lần chiếm đoạt tài sản này đều đủ dấu hiệu truy cứu trách nhiệm hình sự. Do đó, các bị cáo đã phạm tội thuộc trường hợp “phạm tội 02 lần trở lên”, đây là tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017 cần áp dụng đối với các bị cáo T, A, H.

[5]. Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Tại cơ quan điều tra cũng như tại phiên tòa ngày hôm nay các bị cáo có thái độ thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, tài sản đã thu hồi trả lại cho các bị hại và bị cáo T nhân thân chưa có tiền án tiền sự nên cần áp dụng tình tiết giảm nhẹ được quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017 để giảm nhẹ cho các bị cáo một phần hình phạt theo quy định.

[6] Về xử lý vật chứng:

- Thu giữ của Nguyễn Thị T: 01 túi xách màu nâu và số tiền 26.000 đồng là tài sản cá nhân của bị cáo T không liên quan đến vụ án nên cần trả lại cho bị cáo T.

- Thu giữ của Vũ Văn A:

+ 01 điện thoại di động hiệu Xiaomi là tang vật mà A cùng đồng bọn mới trộm của chị Lê Thị P. Cơ quan điều tra đã xử lý vật chứng bằng hình thức trả lại điện thoại cho chị P.

+ 01 xe mô tô kiểu dáng Wave, biển số 79H1-3131, A mua lại của một nam thanh niên không rõ lai lịch là xe không giấy đăng ký để làm phương tiện chạy xe ôm. Qua xác minh xe trên sử dụng biển số 79H1-3131 là biển số giả, xác minh số khung, số máy không có trong hệ thống lưu giữ, là xe có nguồn gốc không hợp pháp và đây là phương tiện phạm tội nên cần tịch thu sung quỹ nhà nước.

+ 01 điện thoại di động hiệu Nokia màu đỏ là tài sản cá nhân của bị cáo A không liên quan đến vụ án nên trả lại cho bị cáo.

+ 01 chứng minh nhân dân mang tên Lê Thanh L và 01 giấy đăng ký xe mô tô Biển số 77Y3 - 3682 A khai nhận được ngoài đường khi chạy xe ôm không có giá trị sử dụng nên cần tiếp tục đăng báo tìm chủ sở hữu, trường hợp không tìm được chủ sở hữu thì tịch thu tiêu hủy.

- Thu giữ của Nguyễn Thị H: 01 túi xách màu nâu, 01 điện thoại di động hiệu Nokia màu đen bạc và số tiền 37.000 đồng là tài sản cá nhân của H không liên quan đến vụ án nên trả lại cho bị cáo H

- Thu giữ của Trần Văn B:

+ 01 điện thoại di động hiệu OPPO F9 là tang vật mà B cùng đồng bọn trộm cắp của chị Lâm Hạnh N, Cơ quan điều tra đã xử lý vật chứng bằng hình thức trả lại điện thoại cho chị N.

+ 01 điện thoại di động Nokia 105, số tiền 817.000 đồng và 01 đơn có mất giấy tờ là đồ vật tài sản của cá nhân bị cáo B, xét đây là tài sản riêng của bị cáo không liên quan đến nội dung vụ án nên cần trả lại cho bị cáo B.

[7]. Về trách nhiệm dân sự: Chị Lê Thị P và chị Lâm Hạnh N đã nhận lại tài sản, không có yêu cầu gì nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[8]. Về án phí: Các bị cáo phải nộp án phí hình sự sơ thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên,

## **QUYẾT ĐỊNH**

1. Tuyên bố: Các bị cáo Nguyễn Thị T, Vũ Văn A, Nguyễn Thị H và Trần Văn B phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

Áp dụng điểm a khoản 2 Điều 173; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g, khoản 1 Điều 52, Điều 17, Điều 38 của Bộ luật hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017 đối với bị cáo Nguyễn Thị T và Vũ Văn A.

Áp dụng điểm a, g khoản 2 Điều 173; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g, khoản 1 Điều 52, Điều 17, Điều 38 của Bộ luật hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017 đối với bị cáo Nguyễn Thị H.

Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17, Điều 38 của Bộ luật hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017 đối với bị cáo Trần Văn B.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị T 03 (ba) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày 25/7/2019.

Xử phạt bị cáo Vũ Văn A 03 (ba) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 25/7/2019.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị H 04 (bốn) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày 25/7/2019.

Xử phạt bị cáo Trần Văn B 02 (hai) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày 25/7/2019.

2. Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 47 Bộ luật hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017 và Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự.

- Trả lại cho bị cáo T 01 túi xách màu nâu và số tiền 26.000 đồng.

- Trả lại cho bị cáo A 01 điện thoại di động hiệu Nokia màu đỏ.
- Tịch thu sung quỹ nhà nước 01 điện thoại di động hiệu Nokia màu đỏ thu giữ của bị cáo A, 01 xe mô tô kiểu dáng Wave, biển số 79H1-3131, A mua lại của một nam thanh niên không rõ lai lịch là xe không giấy đăng ký để làm phương tiện chạy xe ôm. Qua xác minh xe trên sử dụng biển số 79H1-3131 là biển số giả. Xác minh số khung, số máy không có trong hệ thống lưu giữ, là xe có nguồn gốc không hợp pháp.
- Tiếp tục đăng báo tìm chủ sở hữu đối với 01 chứng minh nhân dân mang tên Lê Thanh L và 01 giấy đăng ký xe mô tô Biển số 77Y3 – 3682, nếu không tìm được chủ sở hữu thì tịch thu sung quỹ nhà nước.
- Trả lại cho bị cáo H 01 túi xách màu nâu, 01 điện thoại di động hiệu Nokia màu đen bạc và số tiền 37.000 đồng.
- Trả lại cho bị cáo B 01 điện thoại di động Nokia 105, số tiền 817.000 đồng và 01 đơn có mất giấy tờ là đồ vật tài sản của cá nhân bị cáo B.

(Theo biên bản giao, nhận vật chứng ngày 19/2/2020 tại Chi cục thi hành án dân sự quận Bình Thạnh)

4. Về án phí: Áp dụng Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015; Luật phí và Lệ phí; Nghị quyết 326/2016/UBNTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Buộc mỗi bị cáo phải nộp 200.000 đồng (Hai trăm ngàn đồng) án phí hình sự sơ thẩm, nộp tại cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền.

5. Về quyền kháng cáo: Áp dụng điều 331 và 333 của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015: Bị cáo và bị hại có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị hại, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày được tổng đạt hợp lệ bản án.

**Nơi nhận:**

- Tòa án ND TP. HCM;
- VKSND Q.Bình Thạnh;
- THA DS Q. BTh
- Trại giam;
- THA HS;
- Phòng PV06 - CA TP.HCM;
- UBND nơi bị cáo cư trú;
- Bị cáo;
- Những người tham gia TT;
- Lưu VP, hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Phạm Tuấn Anh**